

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ - ST

Ngày 11/5/2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Bích Thủy;
2/ Ông Phạm Thanh Huân .

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 09/4/2018 và Thông báo chuyển thời gian xét xử số: 15/TB – TA ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Hải A, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Bị đơn: Anh Trương Duy K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Đoàn Thị Hải A trình bày:

Chị và anh Trương Duy K có tìm hiểu, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ vào ngày 21/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ ngày chị sinh đứa con thứ hai, chị bị đau ốm thường xuyên, gia đình chồng không quan tâm, anh K không lo làm ăn mà sa vào con đường ăn chơi, dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt, chị buộc phải ôm con về nhà mẹ đẻ sống nhờ, đến nay anh chị đã ly thân được 5 năm, cuộc sống của mẹ con chị gặp rất nhiều khó khăn nhưng anh K

không có trách nhiệm cùng chị nuôi con. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên Trương Đoàn Hải N, sinh ngày 18/7/2011 và Trương Đoàn Tiểu V, sinh ngày 23/02/2013, hiện nay các con đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trương Duy K trình bày:

Anh công nhận anh và chị Đoàn Thị Hải A tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã P, huyện Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị A tự ý bỏ nhà đi, đến nay đã 5 năm, tình cảm giữa anh và chị A không còn, nay chị yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Đoàn Hải N, sinh ngày 18/7/2011 và Trương Đoàn Tiểu V, sinh ngày 23/02/2013, khi ly hôn anh đồng ý để các con cho chị A nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị A được ly hôn anh K; Giao 02 con chung tên N, V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng tiền cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng; Về tài sản chung: không yêu cầu; Về nợ chung: không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự trong vụ án là chị Đoàn Thị Hải A và anh Trương Duy K đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Hải Á và anh Trương Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã P, huyện Đ. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh K là hợp pháp.

Chị Á và anh K đều thừa nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, chị Á cho rằng khi chị sinh con thứ hai, chị bị đau nhưng gia đình chồng không quan tâm, anh K thì không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, nên chị ôm con về nhà mẹ đẻ sống. Anh K cho rằng chị Á tự ý bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay, không quan tâm gì đến anh và gia đình chồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Á yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý.

HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh K đã không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...”. Nhưng thực tế chị Á và anh K đã không sống chung với nhau hơn 5 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Á là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Á và anh K có 02 con chung tên Trương Đoàn Hải N, sinh ngày 18/7/2011 và Trương Đoàn Tiểu V, sinh ngày 23/02/2013. Khi ly hôn chị Á có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Anh K thống nhất để hai con cho chị Á nuôi và đồng ý cấp dưỡng cho con như yêu cầu. Do đó, có đủ căn cứ giao hai con chung cho chị Á tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 11/5/2018 cho đến khi các con (N, V) đủ 18 tuổi.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 6, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị Á và anh K mỗi người phải chịu 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Hải Á. Chị Đoàn Thị Hải Á được ly hôn anh Trương Duy K.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Đoàn Hải N, sinh ngày 18/7/2011 và Trương Đoàn Tiểu V, sinh ngày 23/02/2013 cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng định kỳ cho con: Anh Trương Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ ngày 11/5/2018 cho đến khi các con (N, V) đủ 18 tuổi.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị Hải Á phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000927, ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Anh Trương Duy K phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Thủy

Phạm Thanh Huân

Nguyễn Thị Bích Vân

Nguyễn Thanh Trương

Nguyễn Kha

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Sơn Đặng Văn Minh

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

